

TÒA ÁN ND HUYỆN NGÀ SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/2018

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÀ SƠN, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quốc Văn.
2. Ông Nghiêm Văn Luyện.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 13/6/2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2018/TLST – HNGĐ ngày 04/4/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T – sinh năm 1946

Địa chỉ: xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (có mặt).

* Bị đơn: Bà Lã Thị Th – sinh năm 1970.

Địa chỉ: xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/4/2018 và bản tự khai ngày 26/4/2018 ông Nguyễn Hữu T trình bày.

Ông và bà Lã Thị Th kết hôn ngày 30/12/2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Th không có trách nhiệm đối với ông, lấy chồng nhưng không ở nhà chồng mà thường xuyên sinh sống ở quê(xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa) lúc ông bị ốm đau bệnh tật bà Th cũng không nhiệt tình chăm sóc giữa khi tuổi ông đã cao, là thương binh, bệnh hay tái phát mà không có người nương tựa. Nay ông xét thấy tình cảm vợ

chồng giữa ông và bà Th không thể hàn gắn được, nên ông làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lã Thị Th.

Về con chung: ông T và bà Th không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản: Ông T và bà Th không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Ý kiến của bà Lã Thị Th: Những ý kiến ông T nêu trong đơn là không đúng, ông T còn nghi ngờ tôi có quan hệ trai gái bất chính và còn nghi ngờ tôi nấu canh lá ngón cho ăn. Thực tế ông T sống ích kỷ, nhỏ nhen với vợ; sống không hề có trách nhiệm với vợ, kể cả khi vợ bị ốm đau, điều trị ở bệnh viện. Tôi xét thấy cũng không còn tha thiết gì với ông T nữa, nhưng tôi cũng không đồng thuận để ông T dễ dàng ly hôn tôi như vậy được.

Về con chung và tài sản: Như ông T trình bày đúng sự thật, giữ tôi và ông T không có con chung và tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Lã Thị Th kết hôn ngày 30/12/2016 trên cơ sở tự nguyện, không ai cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Nhưng vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ trong cuộc sống cả 2 bên đều thiếu trách nhiệm với nhau, thiếu sự thông cảm vì quá chênh lệch về tuổi tác, 2 người lại ở cách xa nhau, thiếu sự gắn kết về tình cảm vợ chồng, những khi cả 2 người ốm đau, không có sự chăm sóc, chia sẻ, hàn gắn tình cảm không được mà 2 người càng hiểu sai về nhau. Ông T kiên quyết xin ly hôn, bà Th cũng tự xác định tình cảm vợ chồng giữa bà với ông T không còn. Vì vậy, nghĩ xử cho 02 người được ly hôn nhau là phù hợp qui định của pháp luật và thực tế.

Về con chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Lã Thị Th không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, nên miễn xét.

*Về tài sản: Ông T và bà Th không có tài sản chung gì, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên miễn xét.

*Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, cho ông Nguyễn Hữu T được ly hôn bà Lã Thị Th.

*Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002725 ngày 04/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Ông T đã nộp đủ án phí.

*Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trò hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện N
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trung Thu